

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 01 – 2023
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, năm sinh 1989.

HKTT: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số 265/4, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc Đ là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh N qua mai mối, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ ngày 09/3/2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau này, gia đình Chị Đ đơn chiếc, mẹ đã mất, Chị Đ có nguyện vọng muốn chăm sóc cho cha Chị Đ nhưng anh N không chịu. Từ đó, vợ chồng

thường xảy ra cự cãi, bất hòa, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị Đ cố gắng nói chuyện, tìm cách khuyên bảo nhưng anh N cũng không thay đổi ý kiến. Vợ chồng không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị Đ và anh N đã không còn sống chung, tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của Chị Đ nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Trích lục kết hôn (Bản sao);
- 01 Đơn xác nhận nơi cư trú ngày 19/8/2022 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn*”.

Anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của Chị Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh N sống chung với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 09/3/2015, do đó hôn nhân giữa Chị Đ và anh N là hợp pháp.

Theo Chị Đ trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, Chị Đ và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống. Chị Đ và anh N không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Văn N tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ. Xét thấy hôn nhân giữa Chị Đ và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa Chị Đ và anh N là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Chị Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, anh N không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009870 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Mỹ Xương;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh